

# Duyên Khởi Phân Tích

(*Paccayākāravibhango*)

## PHÂN TÍCH THEO KINH

(*Suttantabhājanīyaṃ*)

[255] Hành có do duyên vô minh, thức có do duyên hành, danh sắc có do duyên thức, lục nhập có do duyên danh sắc, xúc có do duyên lục nhập, thọ có do duyên xúc, ái có do duyên thọ, thủ có do duyên ái, hữu có do duyên thủ, sanh có do duyên hữu, lão tử sầu bi khổ ưu ai có do duyên sanh; như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

225. Avijjāpaccayā saṅkhārā, saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ, viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ, nāmarūpapaccayā saḷāyatanāṃ, saḷāyatanapaccayā phasso, phassapaccayā vedanā, vedanāpaccayā taṇhā, taṇhāpaccayā upādānaṃ, upādānapaccayā bhavo, bhavapaccayā jāti, jātipaccayā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

[256] Ở Đây, Vô Minh Là Thế Nào? Sự không hiểu về khổ, sự không hiểu về khổ tập, sự không hiểu về khổ diệt, sự không hiểu về khổ diệt hành lộ. Đây gọi là vô minh.

226. Tattha katamā avijjā? Dukkhe aññāṇaṃ, dukkhasamudaye aññāṇaṃ, dukkhanirodhe aññāṇaṃ, dukkhanirodhagāminiyā paṭipadāya aññāṇaṃ – ayaṃ vuccati “avijjā”.

[257] Ở Đây, Thế Nào Là Hành do Duyên Vô Minh? Tức là phúc hành, phi phúc hành, bất động hành, thân hành, khẩu hành, ý hành.

Tattha katame avijjāpaccayā saṅkhārā? Puññābhisāṅkhāro, apuññābhisāṅkhāro, āneñjābhisāṅkhāro, kāyasāṅkhāro, vacīsāṅkhāro, cittasāṅkhāro.

Ở Đây, Phúc Hành Là Thế Nào? Tư thiện dục giới, sắc giới tạo bố thí thành, trì giới thành, tu tiến thành. Đây gọi là phúc hành.

Tattha katamo puññābhisāṅkhāro? Kusalā cetanā kāmāvacarā rūpāvacarā dānamayā sīlamayā bhāvanāmayā – ayaṃ vuccati “puññābhisāṅkhāro”.

Ở Đây, Phi Phúc Hành Là Thế Nào? Tư bất thiện dục giới, đây gọi là phi phúc hành.

Tattha katamo apuññābhisankhāro? Akusalā cetanā kāmāvacarā – ayaṃ vuccati “apuññābhisankhāro”.

Ở Đây, Bất Động Hành Là Thế Nào? Tư thiện vô sắc giới. Đây gọi là bất động hành.

Tattha katamo āneñjābhisankhāro? Kusalā cetanā arūpāvacarā – ayaṃ vuccati “āneñjābhisankhāro”.

Ở Đây, Thân Hành là Thế Nào? Thân cố quyết là thân hành, khẩu cố quyết là khẩu hành, ý cố quyết là tâm hành.

Tattha katamo kāyasaṅkhāro? Kāyasañcetanā kāyasaṅkhāro, vacīsañcetanā vacīsaṅkhāro, manosañcetanā cittasaṅkhāro.

Đây gọi là hành do duyên vô minh.

Ime vuccanti “avijjāpaccayā saṅkhārā”.

[258] Ở Đây, Thế Nào Là Thức Do Duyên Hành? Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Đây gọi là thức do duyên hành.

227. Tattha katamaṃ saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ? Cakkhaviññāṇaṃ, sotaviññāṇaṃ, ghānaviññāṇaṃ, jivhāviññāṇaṃ, kāyaviññāṇaṃ, manoviññāṇaṃ – idaṃ vuccati “saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ”.

[259] Ở Đây, Thế Nào Là Danh Sắc do Duyên Thức? Có danh, có sắc.

228. Tattha katamaṃ viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ? Atthi nāmaṃ, atthi rūpaṃ.

Ở Đây, Danh Là Thế Nào? Tức thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý. Đây gọi là danh.

Tattha katamaṃ nāmaṃ? Vedanākkhandho, saññākkhandho, saṅkhārakkhandho – idaṃ vuccati “nāmaṃ” .

Ở Đây, Sắc Là Thế Nào? Tức bốn đại hiện và sắc nương bốn đại hiện. Đây gọi là sắc.

Tattha katamaṃ rūpaṃ? Cattāro mahābhūtā, catunnañca mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ – idaṃ vuccati “rūpaṃ”.

Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc do duyên thức.

Iti idañca nāmaṃ, idañca rūpaṃ. Idaṃ vuccati “viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ”.

[260] Ở Đây, Thế Nào Là Lục Nhập do Duyên Danh Sắc? Tức nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đây gọi là lục nhập do duyên danh sắc.

229. Tattha katamaṃ nāmarūpapaccayā saḷāyatanam? Cakkhāyatanam, sotāyatanam, ghāṇāyatanam, jivhāyatanam, kāyāyatanam, manāyatanam – idaṃ vuccati “nāmarūpapaccayā saḷāyatanam”.

[261] Ở Đây, Thế Nào Là Xúc do Duyên Lục Nhập? Tức nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đây gọi là xúc do duyên lục nhập.

230. Tattha katamo saḷāyatanapaccayā phasso? Cakkhusamphasso sotasamphasso ghāṇasamphasso jivhāsamphasso kāyasamphasso manosamphasso – ayaṃ vuccati “saḷāyatanapaccayā phasso”.

[262] Ở Đây, Thế Nào Là Thọ do Duyên Xúc? Tức thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ xúc, thọ sanh từ tỷ xúc, thọ sanh từ thiệt xúc, thọ sanh từ thân xúc, thọ sanh từ ý xúc. Đây gọi là thọ do duyên xúc.

231. Tattha katamā phassapaccayā vedanā? Cakkhusamphassajā vedanā, sotasamphassajā vedanā, ghāṇasamphassajā vedanā, jivhāsamphassajā vedanā, kāyasamphassajā vedanā, manosamphassajā vedanā – ayaṃ vuccati “phassapaccayā vedanā”.

[263] Ở Đây, Thế Nào Là Ái Do Duyên Thọ? Tức sắc ái, tinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Đây gọi là ái do duyên thọ.

232. Tattha katamā vedanāpaccayā taṇhā? Rūpatañhā, saddatañhā, gandhatanā, rasatañhā, phoṭṭhabbatañhā, dhammatañhā – ayaṃ vuccati “vedanāpaccayā taṇhā”.

[264] Ở Đây, Thế Nào Là Thủ do Duyên Ái? Tức là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã chấp thủ. Đây gọi là thủ do duyên ái.

233. Tattha katamaṃ taṇhāpaccayā upādānam? Kāmuṇupādānam, diṭṭhupādānam, sīlabbatupādānam, attavādupādānam – idaṃ vuccati “taṇhāpaccayā upādānam”.

[265] Ở Đây, Thế Nào Là Hữu do Duyên Thủ? Hữu phân theo hai loại: có nghiệp hữu, có sanh hữu.

234. Tattha katamo upādānapaccayā bhavo? Bhavo duvidhena – atthi kammabhavo, atthi upapattibhavo.

Ở Đây, Nghiệp Hữu Là Thế Nào? Tức phúc hành, phi phúc hành, bất động hành. Đây gọi là nghiệp hữu. Tất cả nghiệp đưa đến hữu là nghiệp hữu.

Tattha katamo kammabhavo? Puññābhisaṅkhāro, apuññābhisaṅkhāro, āneñjābhisaṅkhāro – ayaṃ vuccati “kammabhavo”. Sabbampi bhavagāmikammaṃ kammabhavo.

Ở Đây, Sanh Hữu Là Thế Nào? Tức là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, tưởng hữu, vô tưởng hữu, phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu, nhất uẩn hữu, tứ uẩn hữu, ngũ uẩn hữu. Đây gọi là sanh hữu. Nghiệp hữu này là như thế, sanh hữu này là như thế, đây gọi là hữu do duyên thủ.

Tattha katamo upapattibhavo? Kāmbhavo, rūpabhavo, arūpabhavo, saññābhavo, asaññābhavo, nevasaññānāsaññābhavo, ekavokārabhavo, catuvokārabhavo, pañcavokārabhavo – ayaṃ vuccati “upapattibhavo”. Iti ayañca kammabhavo, ayañca upapattibhavo.

Ayaṃ vuccati “upādānapaccayā bhavo”.

[266] Ở Đây, Thế Nào Là Sanh do Duyên Hữu? Đối với mỗi chúng sanh, có sự kiện sanh ra, sanh khởi, hiện ra, phát ra từ thân hữu tình ấy, hiện khởi các uẩn, thành tựu các xứ. Đây gọi là sanh do duyên hữu.

235. Tattha katamā bhavapaccayā jāti? Yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jāti sañjāti okkanti abhinibbatti, khandhānaṃ pātubhāvo , āyatanānaṃ paṭilābho – ayaṃ vuccati “bhavapaccayā jāti”.

[267] Ở Đây, Thế Nào Là Lão Tử do Duyên Sanh? Có lão, có tử.

236. Tattha katamaṃ jātipaccayā jarāmarāṇaṃ? Atthi jarā, atthi marāṇaṃ.

Ở Đây, Lão Là Thế Nào? Đối với mỗi chúng sanh, có sự kiện cũ kỹ, già nua, răng long, tóc bạc, da nhăn, giảm thọ, chín mùi các căn trong thân hữu tình ấy. Đây gọi là già.

Tattha katamā jarā? Yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃ pāliccaṃ valittacatā āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko – ayaṃ vuccati “jarā”.

Ở Đây, Tử Là Thế Nào? Đối với mỗi chúng sanh, từ thân hữu tình ấy có sự chuyển biến, đổi đời hư hoại, tiêu mất, chết, tán vong, quá vãng, tan rã ngũ uẩn, bỏ xác, dứt mạng quyền. Đây gọi là tử.

Tattha katamaṃ maraṇaṃ? Yā tesam tesam sattānaṃ tamhā tamhā sattanikāyā cuti cavanatā bhedo antaradhānaṃ maccu maraṇaṃ kālakiriya khandhānaṃ bhedo kaḷavarassa nikkhepo jīvitindriyassupacchedo – idaṃ vuccati “maraṇaṃ”.

Lão này là như thế, tử này là như thế. Đây gọi là lão tử.

Iti ayaṅca jarā, idaṅca maraṇaṃ. Idaṃ vuccati “jātipaccayā jarāmaraṇaṃ”.

[268] Ở Đây, Sầu là Thế Nào? Tức là sự sầu muộn, sự buồn rầu, thái độ buồn rầu, buồn bực trong lòng, não ruột trong lòng, nội tâm nóng bỏng, ưu tư, bị tên sầu khi gặp nỗi khổ nào đó, khi xảy đến điều suy vong nào đó như gặp sự suy vong thân quyến, hoặc gặp sự suy vong tài sản, hoặc gặp sự suy vong bệnh tật, hoặc gặp sự suy vong giới hạnh, hay gặp sự suy vong tri kiến. Đây gọi là sầu.

237. Tattha katamo soko? Ñātibyaṇaṇa vā phutṭhassa, bhogabyaṇaṇa vā phutṭhassa, rogabyaṇaṇa vā phutṭhassa, sīlabyaṇaṇa vā phutṭhassa, dīṭṭhibyaṇaṇa vā phutṭhassa, aññataraññatarena byaṇaṇa samannāgatassa, aññataraññatarena dukkhadhammena phutṭhassa soko socanā socitattaṃ antosoko antoparisoko cetaso pariñhāyānaṃ domanassaṃ sokasallaṃ – ayaṃ vuccati “soko”.

[269] Ở Đây, Bi Là Thế Nào? Tức là sự khóc lóc, khóc kê, khóc than, la khóc, thái độ khóc, thái độ than, thái độ la khóc, sự phát ngôn, kể lể, kêu gào, thút thít, than oán, thái độ than oán, khi gặp nỗi khổ nào đó, khi xảy đến điều suy vong thân quyến, hoặc gặp suy vong tài sản, hoặc gặp suy vong tật bệnh, hoặc gặp suy vong giới hạnh, hay gặp suy vong tri kiến. Đây gọi là bi.

238. Tattha katamo paridevo? Ñātibyaṇaṇa vā phutṭhassa, bhogabyaṇaṇa vā phutṭhassa, rogabyaṇaṇa vā phutṭhassa, sīlabyaṇaṇa vā phutṭhassa, dīṭṭhibyaṇaṇa vā phutṭhassa, aññataraññatarena byaṇaṇa samannāgatassa, aññataraññatarena dukkhadhammena phutṭhassa ādevo paridevo ādevanā paridevanā ādevitattaṃ paridevitattaṃ vācā palāpo vipplāpo lālappo lālappanā lālappitattaṃ – ayaṃ vuccati paridevo”.

[270] Ở Đây, Khổ Là Thế Nào? Tức là sự bất an thuộc về thân, sự đau đớn thuộc về thân, tình trạng cảm thọ bất an đau đớn sanh từ thân xúc, sự cảm giác bất an đau đớn sanh từ thân xúc. Đây gọi là khổ.

239. Tattha katamaṃ dukkhaṃ? Yaṃ kāyikaṃ asātaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ kāyasamphassaṃ asātaṃ dukkhaṃ vedayitaṃ kāyasamphassaṃ asātaṃ dukkhā vedanā – idaṃ vuccati “dukkhaṃ”.

[271] Ở Đây, Ưu là Thế Nào? Tức là sự bất an thuộc về tâm, sự đau đớn thuộc về tâm, tình trạng cảm thọ bất an đau đớn sanh từ tâm xúc, sự cảm giác bất an đau đớn sanh từ tâm xúc. Đây gọi là ưu.

240. Tattha katamaṃ domanassaṃ? Yaṃ cetasikaṃ asātaṃ, cetasikaṃ dukkhaṃ, cetosamphassaṃ asātaṃ dukkhaṃ vedayitaṃ, cetosamphassajā asātā dukkhā vedanā – idaṃ vuccati “domanassaṃ”.

[272] Ở Đây, Ai là Thế Nào? Tức là sự ai bi, thái độ ai bi, sự ai oán, thái độ ai oán khi gặp nỗi khổ nào đó, khi xảy đến điều suy vong nào đó, như gặp suy vong thân quyến, hoặc gặp suy vong tài sản, hoặc gặp suy vong bệnh tật, hoặc suy vong giới hạnh, hay gặp suy vong tri kiến. Đây gọi là ai.

241. Tattha katamo upāyāso? Ñātibyaśanena vā phutṭhassa, bhogabyaśanena vā phutṭhassa, rogabyaśanena vā phutṭhassa, sīlabyaśanena vā phutṭhassa, diṭṭhibyaśanena vā phutṭhassa, aññātaraññātarena byaśanena samannāgatassa, aññātaraññātarena dukkhadhammena phutṭhassa āyāso upāyāso āyāsitaṃ upāyāsitaṃ – ayaṃ vuccati “upāyāso”.

[273] Nói Rằng: "Như Vậy Là Sự Tập Khởi Của Toàn Bộ Khổ Uẩn Này", tức là sự tập trung, sự tụ trung, sự họp chung, sự hiện hành của toàn bộ khổ uẩn này có như vậy. Bởi lẽ ấy nên được nói: "Như Vậy Là Sự Tập Khởi Của Toàn Bộ Khổ Uẩn Này".

242. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hotīti, evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa saṅgati hoti, samāgamo hoti, samodhānaṃ hoti, pātubhāvo hoti. Tena vuccati “evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti”ti.

DÚT PHẦN PHÂN THEO KINH

<https://budsas.net/uni/u-vdp2/vdp21-07.htm>

